



TRUNG TÂM KIỂM DỊCH
Y TẾ QUỐC TẾ TỈNH KHÁNH HÒA

QUY TRÌNH
CẤP CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ
SINH TÀU THUYỀN/CHỨNG NHẬN
XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN TẠI
CÁC CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG HẢI

Mã số: KD-QT-GC NVSTTH-HH

Lần ban hành: 01

Ngày hiệu lực: 19/9/2023

LỊCH SỬ TÀI LIỆU

Lần sửa đổi	Nội dung sửa đổi	Ngày ban hành
		19/9/2023

TÀI LIỆU NÀY ĐƯỢC PHÂN PHỐI TỚI

Nơi nhận	
1. Lãnh đạo đơn vị	<input checked="" type="checkbox"/>
2. Các khoa, phòng	<input checked="" type="checkbox"/>

	Người soạn thảo	Người kiểm tra	Người phê duyệt
Họ và tên	Phan Mạnh Cường	Nguyễn Hữu Văn	Lê Văn Tùng
Chức vụ	Nhân viên khoa KDYT & QLSK	Trưởng khoa KDYT & QLSK	Giám đốc
Chữ ký			



QUY TRÌNH
CẤP CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU
THUYỀN/CHỨNG NHẬN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU
THUYỀN TẠI CÁC CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG HẢI

Mã số: KD-QT-GCNVSTTH-HH

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 19/9/2023

I. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo thực hiện cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền theo đúng quy định.
- Tất cả các Kiểm dịch viên y tế nắm được và tuân thủ đúng trình tự các bước trong quá trình cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền.
- Các cá nhân, tổ chức, đơn vị liên quan nắm được và tuân thủ đúng trình tự các bước trong quá trình đăng ký cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Áp dụng cho toàn bộ cán bộ, nhân viên của Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế tỉnh Khánh Hoà.
- Các cá nhân, tổ chức, đơn vị liên quan thực hiện trong quá trình đăng ký cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền.

III. ĐỊNH NGHĨA VÀ TỪ VIẾT TẮT

1. Định nghĩa

a) Kiểm dịch viên y tế (KDVT) là người thực hiện các hoạt động kiểm dịch y tế thuộc tổ chức kiểm dịch y tế biên giới bao gồm công chức, viên chức, nhân viên y tế và được gọi chung là kiểm dịch viên y tế.

b) Tàu thuyền có yếu tố nguy cơ:

- Tàu thuyền đi qua quốc gia, vùng lãnh thổ có ghi nhận trường hợp bệnh truyền nhiễm mà Bộ Y tế có yêu cầu phải giám sát.
- Tàu thuyền chở người bệnh hoặc người nghi ngờ mắc bệnh hoặc mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.
- Tàu thuyền chở hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm hoặc nghi ngờ mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

2. Từ viết tắt:

KD: Kiểm dịch

HH: Hàng hải

KDVT: Kiểm dịch viên y tế

QT: Quy trình

GCNMVSTTH: Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền

<p style="text-align: center;">QUY TRÌNH CẤP CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN/CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN TẠI CÁC CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG HẢI</p>	<p>Mã số: KD-QT-GCNVSTTH-HH</p> <p>Lần ban hành: 01 Ngày ban hành: 19/9/2023</p>
---	---

IV. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH

1. Đối với tàu thuyền yêu cầu Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế kiểm tra, xử lý y tế tàu thuyền để cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền (Tàu đóng mới/Tàu có giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền sắp hết hạn,...)

Bước 1: Chủ tàu/thuyền trưởng/đại lý hàng hải/đơn vị có liên quan được ủy quyền phải làm đơn đề nghị theo **Mẫu số 15** Phụ lục kèm theo tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

Bước 2: KDVT thực hiện công tác kiểm dịch y tế theo đúng quy định tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

Bước 3: Tổng hợp kết quả mẫu nước, kiểm tra thực tế hoặc xử lý y tế KDVT cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền theo **Mẫu số 08**, Phụ lục kèm theo tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

2. Đối với tàu thuyền không có hoặc có giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền hết hạn

Bước 1: KDVT thực hiện công tác kiểm dịch y tế theo đúng quy định tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

Bước 2: Căn cứ kết quả kiểm tra để có giải pháp phù hợp:

a) Đối với tàu thuyền kiểm tra mang hoặc có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A:

- Chuyển sang thực hiện việc xử lý y tế đối với tàu thuyền;

- Sau khi hoàn thành việc xử lý y tế: KDVT cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền theo **Mẫu số 08**, Phụ lục kèm theo tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

b) Đối với các trường hợp tàu thuyền không có dấu hiệu mang mầm bệnh truyền nhiễm, trung gian truyền bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A; tàu thuyền không có các yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng: KDVT cấp giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận miễn vệ sinh tàu thuyền theo **Mẫu số 08**, Phụ lục kèm theo tại Nghị định 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ.

V. XEM XÉT SỬA ĐỔI

Quy trình này sẽ cập nhật, xem xét sửa đổi tùy vào tình hình thực tế và các quy định có liên quan.

Ngày hiệu lực: 19/9/2023

QUY TRÌNH CẤP CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN/CHỨNG NHẬN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THUYỀN TẠI CÁC CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG HẢI	Mã số: KD-QT-GCNVSTTH-HH
	Lần ban hành: 01 Ngày ban hành: 19/9/2023

VI. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;
- Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;
- Quyết định số 14/2007/QĐ-BYT ngày 30 tháng 01 năm 2007 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm dịch y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;
- Quyết định số 3006/2009/QĐ-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc thành lập Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế tỉnh Khánh Hòa.

- BIỂU MẪU

Stt	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 08	Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/Chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền (Ship Sanitation Control Exemption Certificate/Ship Sanitation Control Certificate)
2	Mẫu số 15	ĐƠN ĐỀ NGHỊ

SHIP SANITATION CONTROL EXEMPTION CERTIFICATE / SHIP SANITATION CONTROL CERTIFICATE

SỐ:...../CNVS-KDVTBG

Cảng (Port of):

Ngày (Date):.....

Chứng nhận kiểm tra và 1) miễn kiểm soát hoặc 2) các biện pháp kiểm soát đã áp dụng
This certificate records the inspection and 1) exemption from control or 2) control measures applied

Tên tàu thủy (Name of ship or inland navigation vessel):.....

Đăng ký (registration/IMO No):

Tại thời điểm kiểm tra khoảng chứa hàng rỗng/có chứa hàng

Quốc tịch (Flag):

At the time of inspection the holds were unladen/laden with

Tấn hàng

Tên và địa chỉ của cán bộ kiểm tra (Name and address of inspecting officer):

KHANH HOA PROVINCIAL INTERNATIONAL HEALTH QUARANTINE CENTER

Giấy chứng nhận miễn kiểm soát vệ sinh tàu thủy

Ship Sanitation Control Exemption Certificate

Nơi đã kiểm tra (hệ thống và dịch vụ) Areas (systems and services) inspected	Bằng chứng phát hiện thấy (Evidence Found)	Kết quả kiểm tra mẫu ² (Sample results)	Giấy tờ đã kiểm tra (Documents reviewed)
Bếp (Galley)			Nhật ký y tế (Medical log)
Nơi để thức ăn (Pantry)			Nhật ký hải trình (Ship's log)
Nhà kho (Stores)			Khác (Other)
Khoang chứa hàng/hàng (holds/cargo)			
Buồng ở (Quarters):			
- Thủy thủ (Crew)			
- Sĩ quan (Officers)			
- Hành khách (Passengers)			
- Buồng tàu (Deck)			
Nước sinh hoạt (Potable water)			
Nước thải (Sewage)			
Khoang chứa nước dằn tàu (Ballast tanks)			
Chất thải rắn và chất thải y tế (Solid and medical waste)			
Nước đọng (Standing water)			
Phòng máy (Engine room)			
Trang bị y tế (Medical facilities)			
Các khu vực khác-xem bản liệt kê đính kèm (Other areas specified-see attached)			
Ghi chú những khu vực không kiểm tra được bằng ký hiệu N/A (Note areas not applicable, by making N/A)			

Không dấu hiệu nào được phát hiện. Tàu thuyền được miễn kiểm soát

No evidence found. Ship/vessel is exempted from control measures

Tên và chức vụ của người cấp giấy :

(Name and designation of issuing officer) :

DIRECTOR:

Chữ ký và đóng dấu:
(Signature and seal):

Ngày:

(Date):

1(a) Bằng chứng nhiễm bệnh hoặc ô nhiễm bao gồm các vectơ ở tất cả các giai đoạn phát triển; các nguồn truyền nhiễm ở động vật mà các vectơ, các loài gặm nhấm hoặc các loài khác có thể mang bệnh cho người, các vi sinh vật, hóa chất và các nguy cơ khác đối với sức khỏe con người; các dấu hiệu thiếu các biện pháp vệ sinh. (b) Thông tin về các ca bệnh (nếu tại tờ khai hàng hải).

1(a) Evidence of infection or contamination, including: vectors in all stages of growth; animal reservoirs for vectors; rodents or other species that could carry human disease, microbiological, chemical and other risks to human health, signs of inadequate sanitary measures. (b) Information concerning any human cases (to be included in the Maritime Declaration of Health).

2 Kết quả xét nghiệm các mẫu lấy trên tàu. Cung cấp cho trưởng tàu các kết quả phân tích bằng các biện pháp thích hợp nhất, nếu có yêu cầu kiểm tra lại ở cảng kế tiếp mà tàu sẽ đến thì thực hiện kiểm tra lại cùng với ngày được ghi trong giấy chứng nhận.

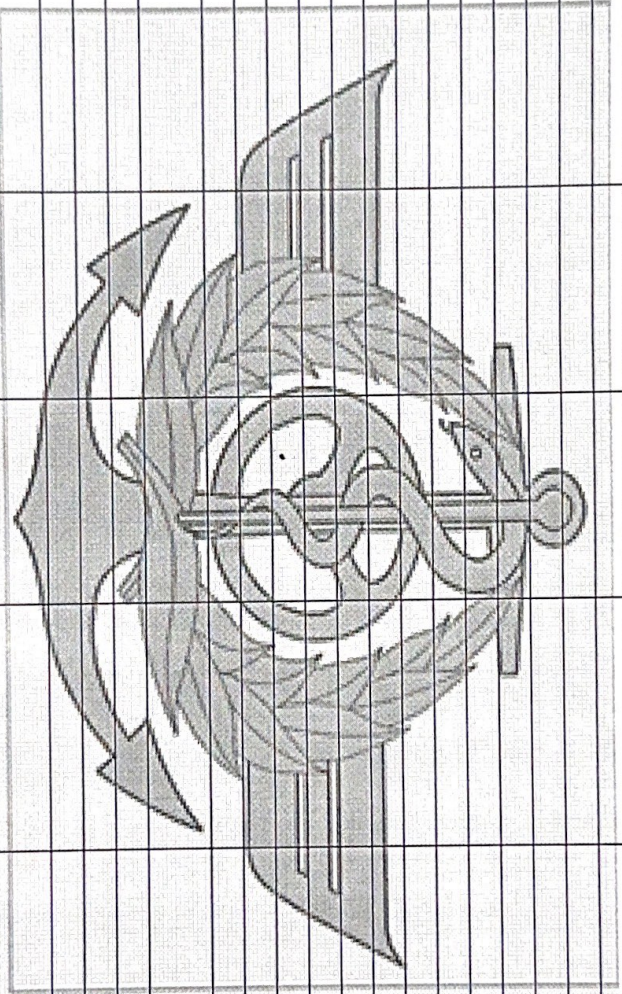
2 Results from samples taken on board. Analysis to be provided to ship master by most expedient means and, if re-inspection is required, to be next appropriate port of call coinciding with the re-inspection date specified in this certificate.

Giấy chứng nhận miễn kiểm soát vệ sinh và chứng nhận kiểm soát vệ sinh có thể gia hạn thêm một tháng nếu không thể kiểm tra lại ở cảng và không có bằng chứng nhiễm bệnh hoặc ô nhiễm trên tàu.

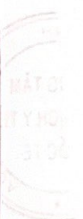
Sanitation Control Exemption Certificates and Sanitation Control Certificates are valid for a maximum of six months, but the validity period may be extended by one month if inspection cannot be carried out at the port and there is no evidence of infection or contamination.



ĐÌNH KÈM GIẤY CHỨNG NHẬN MIỄN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THỦY / GIẤY CHỨNG NHẬN XỬ LÝ VỆ SINH TÀU THỦY
ATTACHMENT TO SHIP SANITATION CONTROL EXEMPTION CERTIFICATE / SHIP SANITATION CONTROL CERTIFICATE

Khu vực/ cơ sở/ hệ thống được kiểm tra (Areas/ facilities/ systems inspected)	Bằng chứng phát hiện (Evidence found)	Kết quả kiểm tra mẫu (Sample results)	Giấy tờ đã xem (Document reviewed)	Biện pháp kiểm soát đã áp dụng (Control measures applied)	Ngày kiểm tra lại (Re-inspection date)	Chú thích về tình trạng phát hiện (Comments regarding conditions found)
Thực phẩm (food)						
Nguồn gốc (Source)						
Bảo quản (Storage)						
Chế biến (Preparation)						
Phục vụ (Service)						
Nước (Water)						
Nguồn gốc (Source)						
Bảo quản (Storage)						
Phân phối (Distribution)						
Chất thải (Waste)						
Nơi chứa (Holding)						
Xử lý (Treatment)						
Tiêu hủy (Disposal)						
Bể bơi/ Suối nước khoáng (Swimming pool/ Spas)						
Thiết bị (Equipment)						
Hoạt động (Operation)						
Cơ sở y tế (Medical facilities)						
Thiết bị và đồ dùng y tế (Equipment and medical Devices)						
Hoạt động (Operation)						
Thuốc (Medicines)						
Các khu vực khác được kiểm tra (Other areas inspected)						

Ghi chú những nơi không kiểm tra được bằng ký hiệu N/A (Indicate where the areas listed are not applicable by making N/A)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra, xử lý...

Kính gửi:.....

Tôi là (ghi rõ họ tên bằng chữ hoa).....Nam/Nữ

Chức vụ:.....(nếu có)

Tên cơ quan:.....(nếu có)

Sinh ngày:...../...../.....Quốc tịch:.....

SỐ CMND (hoặc hộ chiếu).....Ngày cấp.....

Nơi cấp:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:.....

Thực hiện Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới.

Đề nghị.....Cấp giấy chứng nhận/kiểm tra xử lý.....cho tôi hoặc Công ty/đơn vị (tên đơn vị).

.....,ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo

.....
.....